



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

®

Đà Nẵng, ngày tháng 04 năm 2015

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2010-2015
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC**

Kính thưa : - Quý cổ đông của Công ty CP Vận tải đa phương thức

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải đa phương thức quy định về chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Cty CP Vận tải đa phương thức;
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Vận tải đa phương thức nhiệm kỳ 2010 - 2015 và các Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán từ năm 2010 đến năm 2014;

Hôm nay tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2015, Ban kiểm soát Công ty CP Vận tải đa phương thức xin báo cáo trước toàn thể cổ đông về tình hình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát trong nhiệm kỳ 5 năm từ năm 2010 đến 2015 như sau:

Phần I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2010-2015

Trong nhiệm kỳ từ 2010 đến 2015 Ban kiểm soát đã tổ chức từ 3 đến 4 phiên họp trong một năm, tại các phiên họp đều có đầy đủ các thành viên tham gia, đối với các thành viên không tham dự thì nội dung họp được gửi, trao đổi và thống nhất qua email, sau mỗi cuộc họp đều được ghi biên bản và có đầy đủ chữ ký của các thành viên trong Ban kiểm soát.

Trong quá trình kiểm tra giám sát, Ban kiểm soát thường xuyên phối hợp, trao đổi và báo cáo kết quả với các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông.

Quá trình hoạt động của Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ thứ nhất như sau:

Tháng 11/2010, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần; Trên cơ sở của công tác chuẩn bị về nhân sự, ngày 25/10/2010 Đại hội cổ đông lần thứ nhất đã tiến hành bầu Ban kiểm soát của Công ty CP Vận tải đa phương thức, gồm có 03 thành viên là Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Ông Ông Văn Khương và Ông Châu Hoài Thanh; Ban kiểm soát đã tiến hành họp và bầu bà Nguyễn Thị Thu Thủy làm trưởng ban, đồng thời phân công nhiệm vụ cho các thành viên; Soạn thảo quy chế hoạt động và lập kế hoạch hoạt động của Ban.

Sau Đại hội cổ đông lần thứ nhất, Ban kiểm soát đã thực hiện và giám sát các nội dung công việc liên quan đến công ty cổ phần mới thành lập như: Hồ sơ đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban chứng khoán nhà nước; Thuế kiểm tra tại thời điểm chốt số liệu của công ty nhà nước chuyển sang công ty cổ phần 31/10/2010; Bàn giao vốn từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần; Bàn giao vốn chủ sở hữu của công ty từ Bộ GTVT sang SCIC;

Thực hiện và giám sát các nội dung công việc liên quan đến việc tái cấu trúc công ty sau khi cổ phần hóa như: Phương án giải thể, quyết toán tài chính, bàn giao công nợ, kiểm tra thuế, quyết toán thuế, BHXH, hải quan...của công ty TNHH liên doanh BNX-VIETRANSTIMEX để chấm dứt hoạt động kinh doanh; Khảo sát thực trạng, phân tích, đánh giá và đề xuất các biện pháp liên quan đến công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh; Kiểm tra công tác đầu tư dở dang và công nợ khó đòi tại công ty CP VTTĐPT 2 để trình HĐQT lên phương án

xử lý trước khi sáp nhập về công ty mẹ; Các công việc liên quan đến công tác tài chính sau khi Công ty CP Vận tải thủy Hà Nội chia tách và có giấy phép kinh doanh mới; Việc kiểm tra quyết toán thuế, đóng mã số thuế tại ba công ty con với các Cục thuế địa phương để phục vụ cho việc sáp nhập về công ty mẹ; Công tác bàn giao vốn, tài sản từ các công ty con về công ty mẹ và bàn giao vốn từ công ty cho các đơn vị phụ thuộc...;

Các công việc mà Ban kiểm soát đã triển khai theo kế hoạch hàng năm gồm:

- Thẩm định báo cáo quản trị hàng tháng cho HĐQT (từ năm 2013 đến 2014); Lập các báo cáo quý, năm theo yêu cầu của các cổ đông lớn Bộ GTVT, PTSC, SCIC;
- Giám sát công tác đầu tư, thanh lý tài sản cố định của công ty; Đánh giá về hiệu quả phương án bán và cho thuê tài sản năm 2012; Đánh giá tình hình công nợ công ty tại thời điểm 31/12 hàng năm.
- Kiểm tra, giám sát các công ty con (từ 2010 đến 2012); các đơn vị phụ thuộc (từ 2013 đến 2014) về việc thực hiện Điều lệ, Quy chế, các chỉ tiêu kế hoạch SXKD hàng năm.
- Các báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm về kết quả sản xuất kinh doanh của công ty trong nhiệm kỳ từ năm 2010 đến năm 2015;
- Phân công công việc cho thành viên Ban kiểm soát sau ĐHCĐ năm 2014 bầu bổ sung bà Đỗ Thị Phương Lan thay cho ông Ông Văn Khương.
- Làm việc với SCIC, Kiểm toán Nhà nước khu vực III liên quan đến tiền lãi về cổ phần hóa phải nộp.
- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính theo Nghị quyết Đại hội cổ đông của công ty.
- Tham dự các phiên họp của HĐQT, Ban điều hành khi được mời tham gia, và các công tác khác của Ban.

Bên cạnh những mặt đã thực hiện được như trên, trong nhiệm kỳ Ban kiểm soát còn có mặt tồn tại và hạn chế như sau: Ban kiểm soát có 3 thành viên, trong đó có 2/3 thành viên là không chuyên trách (của SCIC và PTSC) vừa kiêm nhiệm lại vừa ở xa, chỉ có 1/3 thành viên là chuyên trách nên khối lượng công việc nhiều và tập trung vào những thời điểm cuối kỳ, vì vậy quá trình giám sát không thể đi cụ thể hết vào tất cả các vấn đề mà chỉ tập trung vào công tác giám sát các chỉ tiêu của Nghị quyết đại hội cổ đông và kế hoạch hoạt động hàng năm của Ban. Trong nhiệm kỳ Ban kiểm soát cũng đã đưa ra giải pháp khắc phục hạn chế trên như lên kế hoạch cụ thể hàng quý và kết hợp với các thành viên tổ giám sát nội bộ để hoàn thành công việc.

Phần II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2010-2015

I/ Công tác quản lý điều hành công ty:

1/ Hội đồng quản trị:

Trong nhiệm kỳ 2010-2015 là nhiệm kỳ đầu tiên của công ty cổ phần, HĐQT công ty đã đưa ra những quyết sách quan trọng về những vấn đề mang tính chiến lược của công ty như sau:

Tiến hành tổ chức đại hội cổ đông lần thứ nhất, Đại hội đã bầu ra HĐQT gồm 05 thành viên: Ông Nguyễn Tăng Mãng, Ông Nguyễn Đăng Sâm, Ông Lê Văn Hùng, Ông Hà Tiến Đức, Ông Phan Thanh Tùng; Các thành viên đã nhất trí bầu Ông Nguyễn Tăng Mãng làm chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm Ông Nguyễn Đăng Sâm làm Tổng giám đốc; Phân công nhiệm vụ và xác định quyền hạn các thành viên HĐQT; Quyết định cơ cấu tổ chức và thành lập các phòng ban, đơn vị trực thuộc; Bổ nhiệm các chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các

trưởng phòng ban, đơn vị trực thuộc; Quyết định cử người đại diện phần vốn tại các công ty con: Cty CP VTT HN, Cty CP VTĐPT 2, Cty CP VTĐPT 6; Ban hành Bộ quy chế quản lý điều hành của công ty.

- Triển khai công tác bàn giao vốn nhà nước từ công ty Nhà nước sang công ty cổ phần; Bàn giao phần vốn nhà nước từ Bộ GTVT sang Tổng công ty Kinh doanh và đầu tư vốn nhà nước.

Các nội dung liên quan đến công tác tái cấu trúc công ty:

- Quyết định chấm dứt hoạt động kinh doanh, thoái vốn và giải thể Công ty TNHH liên doanh BNX-VIETTRANSTIMEX do kinh doanh không hiệu quả và không đạt được mục tiêu chiến lược của công ty từ 15/6/2012; Chỉ đạo phương án tách Công ty CP VTT HN thành hai công ty độc lập; Quyết định góp vốn làm cổ đông sáng lập Công ty CP Cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp Quảng Bình và cử Ông Võ Duy Nghi làm người đại diện vốn.

- Thành lập Công ty VTĐPT 9 là đơn vị phụ thuộc báo sở, đồng thời bổ nhiệm ông Nguyễn Thành Chung làm giám đốc. Thành lập Ban chỉ đạo giám sát hoạt động điều hành và ban hành Quy chế điều hành hoạt động tại Công ty VTĐPT 9;

- Chuyển đổi CN Hà Nội và Cty Vận tải đa phương thức 1 từ đơn vị phụ thuộc hạch toán báo sở chuyển sang hạch toán tự trang trải từ 01/01/2012.

- Thông qua chủ trương tái cấu trúc công ty, sáp nhập các công ty con vào Công ty mẹ - Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức từ ngày 31/12/2012 và chuyển đổi các công ty thành đơn vị phụ thuộc là các chi nhánh của Công ty; Hoán đổi cổ phiếu cho các cổ đông của công ty con sau khi sáp nhập.

- Chuyển nhượng vốn đầu tư vào Công ty CP Cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp Quảng Bình theo đề nghị của PTSC...

Công tác tổ chức nhân sự:

- Triển khai thành lập hai Văn phòng đại diện và đưa vào hoạt động tháng 5/2012, bổ nhiệm Ông **Anusinh Sisouvanna** làm trưởng văn phòng đại diện tại Viêng Chăn-Lào, và Ông **Hak Veng Tay** làm trưởng văn phòng đại diện tại PhnomPenh-Campuchia. Ban hành Quy chế quản lý và điều hành VP đại diện tại nước ngoài;

- Thông qua đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của Ông Phan Thanh Tùng, bổ nhiệm ông Hoàng Tuấn là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2010-2015 kể từ ngày 03/08/2012;

- Chủ trương tổ chức lấy phiếu tín nhiệm và bổ nhiệm 02 chức danh Phó TGD công ty từ ngày 16/11/2012 gồm: Ông Phan Văn Phúc - Phó Tổng giám đốc công ty phụ trách công tác quản lý kinh tế; Ông Trần Nguyên Giáp - Phó Tổng giám đốc công ty phụ trách công tác thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh tại một số địa bàn kiêm giám đốc Cty Vận tải đa phương thức 7;

- Chỉ đạo sửa đổi điều lệ, xây dựng và ban hành các quy chế, quy định nhằm hoàn thiện công tác quản lý chung của Công ty theo Thông tư 121/2012/TT-BTC áp dụng cho công ty đại chúng;

- Bổ nhiệm Ông Hà Thanh Chung làm Trưởng VPĐD công ty tại Lào. Bổ nhiệm bà Bùi Thị Ngọc Hà làm Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng TC-KT công ty. Bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Chương làm GD Công ty VTĐPT 9 và ông Nguyễn Thành Chung làm Trưởng phòng KT-DA, bổ nhiệm ông Hà Tiến Đức kiêm nhiệm Phó phòng TCLĐ. Miễn nhiệm và chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Hak Veng Tey; đồng thời bổ nhiệm ông Nguyễn Anh Phương giữ chức vụ Trưởng VPĐD tại Vương quốc Campuchia. Miễn nhiệm giám đốc Chi nhánh Công ty CP VTĐPT (tại HN) đối với ông Trần Nguyễn Hải, đồng thời bổ nhiệm ông Bùi Đức

Độ làm quyền giám đốc Chi nhánh từ 01/07/2013 và Giám đốc từ ngày 01/01/2014; Bỏ nhiệm ông Nguyễn Luận làm Phó phòng KTDA công ty từ ngày 01/10/2013.

- Miễn nhiệm chức vụ giám đốc Chi nhánh VTĐPT 2 đối với ông Tô Ngọc Vân; đồng thời bổ nhiệm ông Đoàn Thanh Minh quyền Giám đốc từ 16/9/2014. Tiếp tục thực hiện việc củng cố và tái cấu trúc Chi nhánh.

- Triển khai ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

- Thành lập phòng An toàn; Bỏ nhiệm ông Nguyễn Thành Chung trưởng phòng An toàn, ông Nguyễn Nguyễn Nguyên Nam trưởng phòng KT-DA.

- Thống nhất chủ trương để ông Nguyễn Đăng Sâm – TGD được ủy quyền cho các cá nhân khác được thay mặt Tổng giám đốc ký kết các Hợp đồng kinh tế theo phân cấp. Phê duyệt nội dung và giao cho Tổng giám đốc ký kết hợp đồng kinh tế về vận tải thiết bị dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn - Thanh hóa; Và để ông Nguyễn Đăng Sâm – TGD được ủy quyền cho Giám đốc Cty Vận tải đa phương thức 7 và Giám đốc Chi nhánh Vận tải đa phương thức 2 thực hiện các giao dịch tín dụng vay vốn trong hạn mức quy định để phục vụ SXKD.

- Thanh lý hợp đồng quản lý cổ đông với Công ty cổ phần chứng khoán Thăng Long; Hoàn thành hồ sơ niêm yết và lưu ký chứng khoán; Thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 15/05/2014.

- Triển khai phân công công việc cho thành viên HĐQT sau Đại hội cổ đông năm 2014;

- Làm việc với các nhà đầu tư để tìm kiếm đối tác chiến lược phục vụ cho hợp tác đầu tư và kinh doanh. Cùng với nhà đầu tư KAMIGUMMI làm việc với SCIC để tham gia làm nhà đầu tư chiến lược, cổ đông của Công ty.

- Và các quyết nghị khác...

Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT, Ban TGD và Trưởng BKS tham dự, và được thư ký ghi biên bản, thực hiện đúng trình tự, đúng quy chế, phù hợp với điều lệ của công ty.

Nội dung của các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các chỉ tiêu kinh tế trong nhiệm kỳ 2010-2015; giải quyết những tồn tại khó khăn, củng cố tổ chức, bổ sung nhân sự, duy trì ổn định phát triển SXKD; chỉ đạo công tác công tác đầu tư, thanh lý tài sản công ty ...

HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

2/ Ban Tổng giám đốc và bộ máy quản lý:

Trong nhiệm kỳ 2010-2015, Ban Tổng giám đốc đã triển khai kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để phục vụ cho công tác SXKD; đồng thời hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ, đúng Quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

Trong nhiệm kỳ 2010-2015, các công trình chính mà công ty đã thực hiện được như sau: Thủy điện Sơn La, thủy điện Bản Chát, thủy điện Thuen Hinboun (Lào), thủy điện Thượng Kon Tum; nhiệt điện Nghi Sơn, nhiệt điện Mông Dương 1, nhiệt điện Mông Dương 2, nhiệt điện Vũng Áng, nhiệt điện Phú Mỹ, nhiệt điện Vĩnh Tân 2; Xi măng Công Thanh, nhà máy giấy Tân Mai, nhà máy giấy An Hòa, nhà máy sợi Đình Vũ, nhà máy đạm Cà Mau; Hạ thủy hàng trăm cầu kiện dân khoan của PTSC, Vietsovpetro, dầm cầu Bình Lợi, nhà máy thép Formosa, Lọc dầu Nghi Sơn... và vận chuyển, di dời, lắp đặt hàng ngàn máy biến áp các loại trong ba vùng miền trên cả nước.

Tuy nhiên trong nhiệm kỳ đầu từ năm 2010 đến năm 2015 là những năm rất khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, do chịu ảnh hưởng của những biến động về kinh tế và thị trường tài chính tiền tệ, lạm phát gia tăng, chi phí đầu vào nguyên nhiên vật liệu, lãi suất vay ngân hàng, tiền lương nhân công lao động đều ở mức rất cao... đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Cùng với chính sách cắt giảm đầu tư của Chính phủ để kiềm chế lạm phát, nên nhiều công trình dự án phải tạm dừng, giãn tiến độ, thêm vào đó là sự cạnh tranh phá giá khốc liệt của các công ty cùng ngành nghề làm cho nhiều dự án của công ty đã triển khai nhưng không thực hiện được, các dự án thực hiện được thì do thiếu nguồn vốn nên một số chủ đầu tư kéo dài thời hạn quyết toán và thanh toán, chiếm dụng vốn của công ty; tình hình tổ chức, sản xuất tại một số công ty con không ổn định, kinh doanh thua lỗ kéo dài.... Trước tình hình trên Ban Tổng Giám đốc Công ty phối hợp cùng với HĐQT đã chủ động đề ra những giải pháp kịp thời, phù hợp nhằm củng cố và ổn định tổ chức sản xuất, tiết kiệm chi phí trong quá trình quản lý, điều hành Công ty.

Ban điều hành đã duy trì thường xuyên các cuộc họp giao ban, thành phần dự họp đầy đủ, nội dung họp tập trung kiểm điểm các công việc đã thực hiện, phân công nhiệm vụ và tổ chức phối hợp nhằm chỉ đạo và giải quyết các vướng mắc trong tổ chức, điều hành, quản lý; đồng thời đề ra các giải pháp khắc phục. Thực hiện đầy đủ các báo cáo hàng tháng, quý, năm theo quy định.

II/ Tình hình hoạt động SXKD và tài chính 5 năm 2010-2014:

Trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC từ năm 2010 đến 2014, Ban kiểm soát thẩm định và xác nhận:

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng quy định, Báo cáo tài chính đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty CP Vận tải đa phương thức tại thời điểm quyết toán 31/12 hàng năm; phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Một số chỉ tiêu chủ yếu về tình hình tài chính và kết quả SXKD công ty trong 5 năm từ 2010 đến 2014 như sau:

1. Tình hình tài chính Công ty:

a. Tài sản và nguồn vốn

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	Chỉ tiêu	Số liệu từ năm 2010 đến 2014				
		31/12/2010	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
A	<u>TỔNG TÀI SẢN</u>	<u>422.377</u>	<u>524.519</u>	<u>504.195</u>	<u>504.431</u>	<u>385.264</u>
I	Tài sản ngắn hạn	156.700	146.695	161.681	204.589	176.668
II	Tài sản dài hạn	265.677	377.823	342.514	299.842	208.596
B	<u>TỔNG NGUỒN VỐN</u>	<u>422.377</u>	<u>524.519</u>	<u>504.195</u>	<u>504.431</u>	<u>385.264</u>
I	Nợ phải trả	203.712	297.558	274.299	277.276	151.223
1	Nợ ngắn hạn	128.372	168.080	147.713	191.148	106.477
2	Nợ dài hạn	75.341	129.478	126.585	86.128	44.746
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	218.665	226.961	229.896	227.155	234.042
1	Vốn chủ sở hữu	218.665	226.961	229.896	227.155	234.042
	- Vốn điều lệ	200.000	200.000	200.000	209.723	209.723
	- Thặng dư vốn CP	15.056	15.056	15.787	15.257	15.257
	- Chênh lệch tỷ giá	(471)	-	0	0	0

	- Quỹ đầu tư phát triển	-	-	581	718	718
	- Quỹ dự phòng tài chính	215	215	796	933	933
	- LN chưa phân phối	3.865	11.691	12.732	524	7.411
2	Nguồn kinh phí, quỹ khác	0	0	0	0	0

b. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
I	Cơ cấu tài sản						
1	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	62.9%	72.0%	67.9%	59.4%	54.1%
2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	37.1%	28.0%	32.1%	40.6%	45.9%
II	Cơ cấu nguồn vốn						
1	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	93.2%	131.1%	119.3%	122.1%	64.6%
2	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	48.2%	56.7%	54.4%	55.0%	39.3%
3	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	51.8%	43.3%	45.6%	45.0%	60.7%
III	Chỉ số khả năng thanh toán						
1	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1.22	0.87	1.09	1.07	1.66
2	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.08	0.64	0.82	0.85	1.29
IV	Tỷ suất lợi nhuận						
1	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	6.77%	4.19%	0.93%	0.49%	1.18%
2	Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu (ROE)	%	7.67%	5.12%	1.19%	0.86%	2.99%
3	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	3.97%	2.22%	0.54%	0.39%	1.55%

2. Kết quả SXKD Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng doanh thu	247.754	277.210	293.541	397.144	582.099
2	Lợi nhuận trước thuế	22.137	15.661	3.497	4.817	14.544
3	Thuế TNDN	5.359	4.036	811	2.863	7.657
4	Lợi nhuận sau thuế	16.777	11.626	2.732	1.954	6.887
5	Tỷ lệ cổ tức	1.9%	5%		0.0%	3.0%
6	Phải nộp NSNN	21.576	26.125	13.619	18.012	26.454

(Công ty cổ phần hoạt động từ ngày 01/11/2010 vì vậy tỷ lệ chia cổ tức năm 2010 là của 02 tháng cuối năm 2010)

Theo số liệu tại các báo cáo tài chính của công ty từ năm 2010 đến năm 2014 thì có hai năm đầu: 2010 và 2011 hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty có hiệu quả và có chia được cổ tức cho cổ đông; còn lại các năm tiếp theo từ 2012, 2013, 2014 sản xuất kinh doanh chính khó khăn, không có hiệu quả và lợi nhuận có được là do từ hoạt động khác đem lại, chủ yếu là hoạt động chuyển nhượng, thanh lý tài sản gồm động sản và bất động sản như: Tài sản, vật kiến trúc gắn liền đất thuê tại số 02 Lê Lợi, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình; Quyền sử dụng đất, vật kiến trúc trên đất tại số 246 Lê Duẩn, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị; Tài sản, vật kiến trúc gắn liền đất thuê tại xã Tiến Hóa – Huyện Tuyên Hóa –

Quảng Bình; Văn phòng làm việc 134 Núi Thành Đà Nẵng; Vùng kho bãi Cát Lái quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh... Và thanh lý một số phương tiện, máy móc thiết bị, vật tư sử dụng không hiệu quả.

Riêng trong năm 2014, doanh thu đạt 132,5%; Lợi nhuận trước thuế đạt 90,3%; Lợi nhuận sau thuế đạt 55,5%. Tỷ lệ cổ tức: 3%, đạt 60% so với Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Qua các chỉ số về chỉ tiêu tài chính cơ bản tại các thời điểm 31/12 hàng năm, nhận thấy như sau:

- Về quy mô tài sản đang dịch chuyển dần từ tài sản dài hạn sang ngắn hạn, cụ thể: Tài sản dài hạn/Tổng tài sản tăng so với năm 2010 từ 62,9% - 72% do năm 2011 công ty đã đầu tư và tăng tài sản đoàn phương tiện MSPE 48 trục Cometto, romooc thủy lực 24 trục, 03 đầu kéo đặc chủng, 02 ô tô tải cầu; Nhưng từ năm 2012 đến 2014 chỉ số lại giảm dần từ 67,9% - 59,4% - 54,1% nguyên nhân do trong 3 năm này công ty đã thanh lý và chuyển nhượng một số động sản và bất động sản. Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản giảm so với năm 2010 từ 37,1% - 28%, nhưng lại tăng từ năm 2012 đến 2014 từ 32,1% - 40,6% - 45,9% do tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn tăng, các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho giảm do các công trình dự án dở dang đã thực hiện xong, được quyết toán và thu hồi công nợ.

- Về cơ cấu nguồn vốn: Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu tăng so với năm 2010 từ 93,2% - 131,1% do đầu tư mới phương tiện thiết bị, nhưng từ năm 2012 đến 2014 lại giảm từ 119,3% - 122,1% - 64,6%; Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn tăng so với 2010 đến 2013 từ 48,2% - 56,7% - 54,4% - 55% - 39,3% nguyên nhân do sau khi có nguồn tiền từ việc thanh lý các tài sản, công ty đã tập trung trả nợ các khoản vay dài hạn, ngắn hạn tại các tổ chức tín dụng và nợ SCIC về cổ phần hóa.

- Về chỉ số khả năng thanh toán: tại thời điểm năm cuối năm 2011 là giảm so với 2010, nhưng các năm tiếp theo từ 2012, 2013, 2014 đều tăng; Với các chỉ số về khả năng thanh toán trên chứng tỏ công ty đảm bảo và tự chủ về dòng tiền.

- Về tỷ suất lợi nhuận: chỉ số giảm dần từ 2010 đến 2013, nhưng đến năm 2014 có tăng trưởng hơn so với 2013. Qua đây chứng tỏ lợi nhuận không đạt được chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông hàng năm của nhiệm kỳ đầu tiên đã đề ra, mặc dù từ năm 2012, 2013, 2014 công ty đã thực hiện tái cấu trúc công ty và cơ cấu lại tài sản nhất là bất động sản. Cổ tức chi trả cho cổ đông còn thấp chưa xứng đáng với tiềm năng của công ty và kỳ vọng của cổ đông.

3. Tình hình lao động và tiền lương

TT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng số lao động BQ (người)	448	426	391	444	465
2	Tổng quỹ tiền lương (tr.đồng)	43.646	43.294	33.833	38.943	43.086
3	Thu nhập bình quân (tr.đồng/người/tháng)	8.350	9.110	7.521	7.868	8.350
4	Thù lao các thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách (tr.đồng)	16.000	96.000	96.000	96.000	117.000

Riêng đối với các thành viên HĐQT và BKS chuyên trách được áp dụng chế độ trả lương hàng năm theo quy định tại Quy chế tiền lương của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức.

4. Tình hình công nợ

Từ năm 2010 đến năm 2014, về công nợ công ty đã phát sinh một số khoản công nợ khó đòi, công nợ quá hạn thanh toán của các chủ hàng, đến thời điểm 31/12/2014 số nợ quá hạn khoảng 8,5 tỷ đồng. Công ty đã có nhiều biện pháp để thu nợ như thành lập tổ thu hồi công nợ, tiến hành khởi kiện ra tòa, trích lập dự phòng nợ phải thu 6,3 tỷ đồng cho các khoản công nợ trên. Ngoài ra còn có khoản nợ thuế GTGT của dự án Đạm Cà Mau 7,6 tỷ đồng Ban giám đốc đã và đang chỉ đạo tổ thu hồi công nợ tìm mọi biện pháp để thu.

5. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư, thanh lý tài sản cố định

a/ Công tác đầu tư:

* Các dự án đầu tư đã hoàn thành:

Trong nhiệm kỳ, công ty đã triển khai thực hiện đầu tư mới được 32 dự án, đã hoàn thành đưa lên tài sản cố định 42 hạng mục và đưa vào khai thác sử dụng trong kỳ; đã thực hiện nhưng chưa quyết toán 01 hạng mục kho Phú Mỹ. Giá trị đầu tư cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Các hạng mục đầu tư	Giá trị đã thực hiện	Giá trị hoàn thành lên TSCĐ	Ghi chú
I	Phương tiện thiết bị	165.516.712.023	165.516.712.023	
	Mua sắm đầu tư mới	145.811.312.023	145.811.312.023	
1	Sàn mooc vông cho romooc thủy lực	4.063.501.358	4.063.501.358	
2	Xe ô tô con phục vụ sản xuất	799.090.910	799.090.910	
3	12 buồng bơm balast	1.595.698.608	1.595.698.608	
4	Hệ thống kích máy thủy lực 200T Simplex	431.242.500	431.242.500	
5	Hệ thống kích máy thủy lực 100T Simplex	365.192.500	365.192.500	
6	Bộ đẩy thủy lực 350T	385.222.113	385.222.113	
7	Bộ ghép mooc ngang của MSPE	153.893.182	153.893.182	
8	Phần mềm tính toán công trình biển Moses	740.240.000	740.240.000	
9	Phần mềm tính toán chằng buộc ổn định sà lan Optimoor	363.295.725	363.295.725	
10	Đoàn MSPE 48 trục Cometto	91.759.608.032	91.759.608.032	
11	Romooc TL 24 trục TQ	13.964.472.759	13.964.472.759	
12	03 Đầu kéo Man đặc chủng	20.571.517.520	20.571.517.520	
13	02 Ô tô tải cầu	5.948.598.182	5.948.598.182	
14	10 Bơm nước ballast	2.636.790.000	2.636.790.000	
15	01 Bộ đẩy thủy lực 350T	243.868.379	243.868.379	
16	04 Bộ dầm phân lực và mâm xoay	462.035.265	462.035.265	
17	Kích máy thủy lực 2 chiều 200T Simplex	638.305.900	638.305.900	
18	02 Palăng xích 20T SHUANGE 5m	30.181.818	30.181.818	
19	Máy Bơm nước cao áp 3KW-LUTIAN, XN 9.3	14.057.272	14.057.272	
20	Máy Bơm nước cao áp 3KW-TQ, XN 9.1	14.170.000	14.170.000	
21	Bộ kích máy thủy lực 100 tấn 2 chiều (400Tấn/bộ)	630.330.000	630.330.000	
	Thuê lại tài sản bằng hình thức thuê tài chính	19.705.400.000	19.705.400.000	
22	Romooc COMETO 43R-005.68	950.000.000	950.000.000	
23	Romooc 51MH COMETO 51R-043.78	1.200.000.000	1.200.000.000	

24	Xe Cần Cầu 43C-00054	2.280.000.000	2.280.000.000	
25	Cần trục bánh lốp KRUPP 50LA-2131	4.230.000.000	4.230.000.000	
26	Rơ-móc 41/M2 COMETTO 51R-042.86	1.200.000.000	1.200.000.000	
27	Rơ-móc 51/M2 COMETTO 51R-0045	1.350.000.000	1.350.000.000	
28	Rơ-móc 41 COMETO 51R-043.31	1.200.000.000	1.200.000.000	
29	Xe Cần Cầu KRUPP 43C-041.72	3.350.000.000	3.350.000.000	
30	Cần Cầu P&H 90 tấn 57K-1390	1.653.000.000	1.653.000.000	
31	Cần Cầu KRUPP (70 GMT-AT) 43C-00143	1.560.900.000	1.560.900.000	
32	Cần Cầu KRUPP (35 GMT-AT) 43C-00021	731.500.000	731.500.000	
II	Xây dựng cơ bản	21.643.947.952	20.584.586.146	
1	Văn phòng nhà làm việc 134 Núi Thành ĐN	200.361.818	200.361.818	
2	Nhà cửa VKT 246 Lê Duẩn, Quảng Trị	220.000.000	220.000.000	
3	Mua đất Văn phòng 16/17 Hùng Vương, ĐN	856.430.725	856.430.725	
4	Dự án kho bãi p/vụ SXKD tại Vũng Thùng- Tp Đà Nẵng.	2.092.109.272	2.092.109.272	
5	Mua đất Văn phòng 16/17 Hùng Vương, ĐN	363.636.363	363.636.363	
6	Mua cây xăng dầu Yết Kiêu	272.727.272	272.727.272	
7	Kho bãi Dung Quất_ GD 2- Kho kín-Nền bãi nhà kho, mương thoát nước	3.789.294.546	3.789.294.546	
8	Kho bảo quản phương tiện Phú Mỹ	5.845.605.629	5.845.605.629	
9	Kho Phú Mỹ: Nhà làm việc, nhà nghỉ công nhân, mở cổng phụ.	1.059.361.806	0	Chưa lên tài sản
10	Quyền sử dụng 02 lô đất Quận 2, Tp HCM	3.513.279.000	3.513.279.000	
11	QSD đất và VP làm việc tại CN Vận tải đa phương thức 2	3.431.141.521	3.431.141.521	
III	Thiết bị VP, Máy móc thiết bị sản xuất	1.732.980.068	1.732.980.068	
1	Phương tiện, thiết bị văn phòng khác	187.235.316	187.235.316	
2	Thiết bị máy móc văn phòng Cty mẹ	267.876.001	267.876.001	
3	Phần mềm kế toán Fast Finalcial 3.11	108.904.023	108.904.023	
4	Phần mềm quản trị doanh nghiệp, máy móc thiết bị văn phòng	309.559.819	309.559.819	
5	Máy móc thiết bị văn phòng, phần mềm	183.351.909	183.351.909	
6	Máy móc thiết bị sản xuất	425.053.000	425.053.000	
7	03 container 40' + 02 Phao đệm	251.000.000	251.000.000	
IV	Đầu tư tài chính	12.500.000.000	12.500.000.000	
1	Góp vốn đầu tư, khai thác Cảng Hòn La	12.500.000.000	12.500.000.000	
	Tổng cộng	201.393.640.043	200.334.278.237	

Các dự án trên được thực hiện bằng nguồn vốn:

Vốn vay các tổ chức tín dụng: 108.630.893.968 đồng; Thuê mua tài chính: 26.284.328.182 đồng; Vốn tự có: 66.478.417.893 đồng.

* Riêng trong năm 2014 tình hình thực hiện đầu tư như sau:

Do các dự án được triển khai vào cuối quý 4/2014 nên hiện vẫn đang tiếp tục đầu tư trong năm 2015, chi tiết các hạng mục:

Đơn vị tính: đồng

TT	Các hạng mục đầu tư	Giá trị đầu tư được phê duyệt	Giá trị đã thực hiện đến năm 2014	Giá trị chưa thực hiện chuyển năm 2015
A	Tổng giá trị đầu tư nằm trong kế hoạch	31.379.000.000	2.226.987.637	19.911.118.726
I	Phương tiện thiết bị	24.730.000.000	865.545.455	17.964.454.545
1	Đầu kéo SMRM (gồm: FreightlinerCL12064ST 455HP, sx 2009, chất lượng trên 80% hoặc Kamaz 6460 740.63-400hp, Euro 3 mới 100%)	14.000.000.000	3.545.455	13.996.454.545
2	Sơ mi rơmoóc container 3 trục mới 100%	1.550.000.000	284.000.000	1.266.000.000
3	Sơ mi rơmoóc container 3 trục sản rút 14,3m đến 21,3 m mới 100%	3.280.000.000	578.000.000	2.702.000.000
4	Mâm xoay đặc chủng (300Tấn/bộ)	400.000.000	-	0
5	Xe tải ben Hyundai 8x4, chất lượng trên 70%	5.500.000.000	-	0
II	Xây dựng cơ bản	3.569.000.000	731.112.182	1.946.664.181
1	Dự án kho bãi p/vụ SXKD tại Vũng Thùng- Tp Đà Nẵng	2.175.000.000	228.335.819	1.946.664.181
2	Kho Phú Mỹ: Nhà làm việc, nhà nghỉ công nhân, mở cổng phụ.	-	502.776.363	-
3	San lấp mặt bằng, nền bãi tại Thanh Trì - Hà Nội	500.000.000	-	0
4	Dự án kho bãi phục vụ SXKD tại Thanh Trì - Hà Nội	894.000.000	-	0
III	Trang thiết bị VP, MM SX	3.080.000.000	630.330.000	0
1	Hệ thống phần mềm quản lý tổng thể (ERP)	2.000.000.000	-	0
2	Bộ kích máy thủy lực 100 tấn 2 chiều (400Tấn/bộ)	630.000.000	630.330.000	0
3	Bộ nguồn cho bộ đẩy (200Tấn/bộ)	100.000.000	-	0
4	Thiết bị làm sạch bề mặt kim loại (>20HP,>1m3/ph)	350.000.000	-	0
B	Tổng giá trị đầu tư không nằm trong kế hoạch	0	268.181.818	3.428.454.545
	Các hạng mục đầu tư			
1	Nâng cấp trạm xăng dầu Yết Kiêu		13.636.363	-
2	04 tời thủy lực	-	3.545.455	3.428.454.545
3	03 Container 40 feet		141.000.000	-
4	02 Phao đệm va Yokohama (1,2m x 2m)		110.000.000	-
	Tổng cộng	31.379.000.000	2.495.169.455	23.339.573.271

Việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư đều được thông qua HĐQT hoặc nằm trong thẩm quyền của Tổng giám đốc được phân cấp theo quy chế. Các dự án hoàn thành và được đưa vào phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2014 công ty có mua lại 02 xe cầu là tài sản đã thanh lý hợp đồng thuê mua tài chính (TLHD số 03/2011/HĐCTTC-08/02/2011-BIDV) với Công ty thuê mua tài chính BIDV II và 01 xe cầu với Công ty cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu, tăng nguyên giá TSCĐ: 7.520.780.182 đồng.

b/ Công tác thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

Trong nhiệm kỳ, công ty đã triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc thực hiện kế hoạch nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định, nhất là các tài sản là quyền sử dụng đất và vật kiến trúc không đảm bảo khả năng sinh lời hoặc không phục vụ cho mục tiêu chiến lược của công ty; Các Tài sản cố định đã thanh lý, nhượng bán như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tài sản thanh lý	Số lượng	Nguyên giá TSCĐ	Giá trị còn lại	Giá trị th/ly (bao gồm VAT)
1	Đầu kéo đặc chủng	17	6.850	630	4.936
2	Xe cầu	8	19.786	3.341	16.325
3	Xe tải	2	900	93	364
4	Xe tải gắn cầu	2	770	78	573
5	Xe khách	1	115	96	43
6	Rơ moóc	23	9.875	1.281	7.444
7	Văn phòng nhà làm việc (bao gồm QSD đất và vật kiến trúc gắn liền)	3	10.663	9.939	25.798
8	Vùng kho bãi (bao gồm QSD đất và vật kiến trúc gắn liền)	2	56.543	46.175	81.036
9	Công cụ sản xuất	3	135	7	63
10	Thiết bị văn phòng	2	232	71	22
11	Thoái vốn đầu tư tài chính	1	12.500	0	12.500
	Tổng cộng		118.369	61.710	149.104

Riêng trong năm 2014 tình hình thực hiện thanh lý các tài sản như sau:

TT	Các mục tài sản	Nguyên giá TSCĐ	Giá trị còn lại TSCĐ	Giá trị th/ly (bao gồm VAT)
I	<u>Phương tiện vận tải</u>	1.560.900.000	1.242.581.497	2.310.000.000
1	Xe cần cẩu P&H 90T 40C-0046.64	1.560.900.000	1.242.581.497	2.310.000.000
II	<u>Quyền sử dụng đất và Tài sản vật kiến trúc trên đất</u>	58.545.738.165	49.072.772.236	88.323.100.000
1	134 Núi Thành, Đà Nẵng	5.381.908.309	5.170.505.610	10.177.500.000
a	QSD đất tại 134 Núi Thành, Đà Nẵng	5.078.165.400	5.078.165.400	10.177.500.000
b	Văn phòng làm việc tại 134 Núi Thành, Đà Nẵng	303.742.909	92.340.210	
2	Kho bãi Cát lái, quận 2, Tp HCM	53.163.829.856	43.902.266.626	78.145.600.000
a	QSD đất Vùng kho bãi Cát Lái, quận 2, Tp HCM	47.057.957.856	43.012.238.870	77.645.600.000

<i>b</i>	<i>Vùng kho bãi Cát Lái, quận 2, Tp HCM</i>	<i>6.105.872.000</i>	<i>890.027.756</i>	<i>500.000.000</i>
	Tổng giá trị TSCĐ thanh lý	60.106.638.165	50.315.353.733	90.633.100.000

Tổng nguyên giá tài sản thanh lý: 60.106.638.165 đồng, trong đó phương tiện vận tải: 1.560.900.000 đồng và Quyền sử dụng đất và Tài sản vật kiến trúc trên đất: 58.545.738.165 đồng. Giá trị thanh lý thu hồi được: 90.633.100.000 đồng (Bao gồm cả VAT). Hiệu quả thanh lý sau khi đã nộp thuế GTGT và TNDN: 27.566.230.341 đồng và vốn lưu động được bổ sung phục vụ cho sản xuất kinh doanh: 79.476.678.983 đồng.

Ngoài ra trong nhiệm kỳ còn một số tài sản cố định tăng, giảm do điều chuyển giữa công ty và các đơn vị phụ thuộc do tái cấu trúc công ty tại thời điểm đầu năm 2013.

Về thẩm quyền, quy trình và thủ tục thanh lý đều do HĐQT thông qua và quyết định thanh lý. Trình tự và thủ tục thanh lý thực hiện theo đúng quy trình của Quy chế quản lý và điều hành sản xuất của công ty.

III/ Kết luận:

Từ những đánh giá và nhận định về kết quả hoạt động nêu trên, Ban kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Các báo cáo của Ban kiểm soát, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công ty trong nhiệm kỳ 2010 - 2015.

Phần III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NHIỆM KỲ 2015-2020

- Giám sát HĐQT, Ban TGD trong việc quản lý và điều hành công ty; Giám sát việc chấp hành các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, thực hiện các cuộc kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của công ty;

- Chủ trì đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; Trình ĐHĐCĐ các báo cáo theo quy định;

- Phối hợp với Ban điều hành công ty thực hiện việc kiểm tra kiểm soát nội bộ công ty.

- Và thực hiện đầy đủ các chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của công ty, Pháp luật nhà nước;

Trên đây là nội dung báo cáo công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2010 -2015 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng kính chào!

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Thu Thủy